

Số: 419 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình số 21-CTr/TU ngày 09/10/2026 của Thành ủy về việc thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

Thực hiện Chương trình số 21-CTr/TU ngày 09/10/2026 của Thành ủy về việc thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới; Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW; Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tuyên truyền và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình số 21-CTr/TU ngày 09/10/2026 của Thành ủy; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đóng góp thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Chính phủ và các nghị quyết, chương trình của Thành ủy Hà Nội phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô; tạo chuyển biến rõ nét trong quản trị môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp giai đoạn 2026-2030, là nền tảng thực hiện các mục tiêu đến năm 2045.

1.3. Phát huy tối đa các nguồn lực và sự tham gia, đồng thuận, thống nhất cao về tư duy và hành động trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thành phố.

1.4. Là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh, bổ sung, kịp thời đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của Thành phố và

là cơ sở xác định rõ trách nhiệm đơn vị và người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

2.1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp; phát huy vai trò kiến tạo của Nhà nước, trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân Thủ đô đối với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Đặt bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển, là điều kiện, nền tảng và động lực của phát triển nhanh, bền vững; phải được tích hợp ngay từ công tác quy hoạch, quyết định đầu tư, thiết kế chính sách, phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị, nông thôn; gắn chặt với nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất, sức cạnh tranh, chất lượng sống của Nhân dân; lấy việc bảo đảm môi trường sống an toàn, trong lành, bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản và sinh kế của người dân làm mục tiêu cao nhất.

2.3. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp là hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng; thúc đẩy thị trường hàng hóa, dịch vụ, công nghệ môi trường, vật liệu xanh, công trình xanh, giao thông xanh, năng lượng sạch và thị trường các-bon. Bảo đảm quá trình chuyển đổi xanh công bằng, có lộ trình phù hợp, gắn với hỗ trợ chuyển đổi công nghệ, việc làm và sinh kế đối với các nhóm chịu tác động. Xem xét đồng thời tiêu chí kinh tế với tiêu chí môi trường, khí hậu trong quy hoạch, đầu tư và thu hút dự án.

“Tăng trưởng xanh - kinh tế tuần hoàn - phát thải thấp” là một trong 03 trụ cột của mô hình tăng trưởng; hạ tầng xanh và hạ tầng số là nền tảng, dòng vốn đầu tư ưu tiên cho hạ tầng, công nghệ, nhân lực và xanh hóa. Việc bảo vệ môi trường, giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên phải đồng thời tạo không gian thị trường mới, nâng năng lực cạnh tranh, khả năng tham gia chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp Thủ đô.

2.4. Chuyển mạnh từ tư duy ứng phó thụ động sang chủ động phòng ngừa; từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro; từ quản lý phân tán theo ngành, địa giới hành chính sang quản trị tổng hợp, liên ngành, liên vùng, liên địa phương; kết hợp tiền kiểm có trọng tâm với tăng cường hậu kiểm trên mức độ tuân thủ. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ, cảnh báo từ sớm, từ xa các nguy cơ.

2.5. Các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ rõ về: nội dung, giải pháp, tính khả thi, phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, lộ trình, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện.

Bảo đảm liên thông, thống nhất, đồng bộ với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ khác có liên quan tại Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 29/11/2025 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 29/4/2026 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị khóa XIV về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới; Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm và các nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án Thành phố đang triển khai thực hiện.

2.6. Nâng cao hiệu quả thực hiện, hiệu lực thực thi, đặc biệt là công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND xã, phường. Thay đổi căn bản tư duy, xác định công tác bảo vệ môi trường, tạo không gian xanh, môi trường sống, bảo vệ thiên nhiên, chủ động trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tạo nếp sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng xanh - sạch - giảm phát thải là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, toàn bộ cộng đồng tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

2.7. Tập trung xử lý có trọng tâm, trọng điểm những vấn đề mang tính nền tảng của đô thị (quy hoạch, đầu tư hạ tầng đô thị, cấp nước, thoát nước, ngập úng đô thị...); các vấn đề môi trường bức xúc của Thủ đô về không khí, nước thải, rác thải, tập trung quản lý các nguồn thải lớn, ô nhiễm môi trường tại các khu vực đông dân cư, cụm công nghiệp, làng nghề hoặc các sản xuất kinh doanh tự phát; suy giảm tài nguyên, đa dạng sinh học; các rủi ro thiên tai, khí hậu và phát thải khí nhà kính. Chú trọng công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó sự cố, chủ động ứng phó thời tiết cực đoan.

Thiết lập danh mục nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án có thể kiểm tra, đo lường, xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực; làm căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND xã, phường tổ chức thực hiện, kiểm điểm và đánh giá kết quả hằng năm.

2.8. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chủ yếu để nâng cao năng lực quản trị; ưu tiên hệ thống dữ liệu, quan trắc, dự báo, cảnh báo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

2.9. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát huy vai trò dẫn dắt của ngân sách nhà nước, đồng thời thu hút mạnh mẽ nguồn lực xã hội, tài chính xanh, ODA, vốn ưu đãi và các nguồn lực hợp pháp khác. Phát huy tối đa các nguồn lực, tránh chồng chéo, trùng lặp, hình thức. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, đồng thời bảo đảm mục tiêu tăng trưởng, bảo đảm an ninh môi trường, nguồn nước, năng lượng và bảo vệ các công trình, khu vực trọng điểm, quan trọng hoặc cần quan tâm, bảo tồn của Thành phố.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Năng lực quản trị môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai và ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của Thành phố được nâng cao kịp thời, hiệu quả; bảo vệ tốt tính mạng, sức khỏe, tài sản, sinh kế của Nhân dân và bảo đảm an toàn cho các công trình, cơ sở hạ tầng thiết yếu của Thành phố.

- Tập trung xử lý, phục hồi các khu vực ô nhiễm; cải thiện chất lượng môi trường sống; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học; xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành địa phương đi đầu về quản trị môi trường dựa trên dữ liệu, kiểm soát ô nhiễm không khí và thích ứng đô thị với biến đổi khí hậu; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn, thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp gắn với đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm an ninh và phát triển bền vững.

- Phân đầu hoàn thành, hoàn thành sớm các mục tiêu đến năm 2030 đã được Thành ủy đề ra tại Chương trình số 21-CTr/TU.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Thủ đô Hà Nội có môi trường sống trong lành, hài hòa với thiên nhiên; hệ thống quản trị môi trường hiện đại, dữ liệu thống nhất, liên thông; đô thị có khả năng chống chịu cao với biến đổi khí hậu; kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp trở thành phương thức phát triển quan trọng; đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam vào năm 2050.

3. Chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026- 2030; định hướng đến năm 2045

Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu tại Chương trình số 21-CTr/TU của Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW, Nghị quyết số 208/NQ-CP và các nghị quyết, chương trình, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành đối với Hà Nội, UBND Thành phố xác định hệ thống chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 tại Phụ lục 1.

Các chỉ tiêu được hệ thống hóa theo 04 nguồn: (A) Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình số 31-CTr/TW, Nghị quyết số 208/NQ-CP; (B) Chương trình số 21-CTr/TU của Thành ủy; (C) các chỉ tiêu HĐND/UBND Thành phố đã ban hành hoặc giao theo dõi; (D) chỉ tiêu quốc gia chỉ để tham chiếu/theo dõi.

- Các chỉ tiêu về chuyển đổi xanh phải được gắn với năng lực cạnh tranh, năng suất, mở rộng thị trường, giảm chi phí tài nguyên, tiêu hao năng lượng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Các chỉ tiêu định lượng được phải đồng thời xác định đơn vị đo, số liệu nền, phạm vi/mẫu số, phương pháp tính...

- Đối với chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính, Thành phố quy định cụ thể theo lĩnh vực, phạm vi phát thải, năm cơ sở hoặc kịch bản BAU, phương pháp kiểm kê/đo đạc, báo cáo và thẩm tra (MRV) và đơn vị tCO₂e. Các tỷ lệ giảm phát

thải các lĩnh vực khác nhau có phạm vi hoặc đường cơ sở khác nhau được theo dõi riêng, không cộng gộp cơ học.

- Đối với chỉ tiêu thuộc nhóm tham chiếu quốc gia, cơ quan chủ trì có trách nhiệm theo dõi, đối chiếu và đề xuất mục tiêu Hà Nội khi có đủ số liệu nền, phương pháp tính và căn cứ thẩm quyền.

- Mỗi chỉ tiêu được gắn mã chỉ tiêu ổn định để liên kết xuyên suốt các Phụ lục và thống nhất tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo Kế hoạch.

- Đối với chỉ tiêu đã có lộ trình hằng năm trong văn bản chuyên ngành, sử dụng đúng lộ trình đã được ban hành. Đối với chỉ tiêu mới chỉ có yêu cầu thực hiện tính chung cho giai đoạn 2026-2030, cơ quan chủ trì phải xác định yêu cầu cụ thể theo từng năm trong giai đoạn 2026-2030, hoàn thành trong quý I năm 2027 và cập nhật khi có văn bản điều chỉnh.

Trường hợp vì các lý do khách quan hoặc cơ quan chủ trì không xác lập được mốc năm đúng thời hạn, tùy theo tính chất của chỉ tiêu để áp dụng phân bổ bình quân hoặc tăng (giảm) lũy tiến dần đều hoặc sử dụng mục tiêu 2030 là cơ sở đánh giá kết quả thực hiện theo từng năm trong giai đoạn 2026-2030.

- Chế độ báo cáo gồm: (1) báo cáo điều hành quý chỉ đối với nhóm chỉ tiêu cốt lõi (đã quy định chi tiết tại phụ lục); (2) báo cáo tổng hợp năm đối với toàn bộ chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm xác định và cập nhật số liệu nền, công thức, mẫu số/phạm vi, nguồn dữ liệu, tần suất cập nhật. Chỉ tiêu chưa đủ dữ liệu nền phải có kế hoạch thiết lập số nền và thời hạn hoàn thành; không đánh giá đạt/không đạt bằng ước tính chủ quan.

Hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu được quản trị theo chuỗi: Nguồn lực/đầu vào → Sản phẩm/đầu ra → Kết quả → Tác động. Công suất, số công trình, số hệ thống hoặc số mô hình được phân loại là đầu ra/năng lực; chất lượng môi trường, mức tiết kiệm, mức giảm phát thải là kết quả; sức khỏe, năng suất, thị trường, việc làm và chất lượng tăng trưởng là tác động.

Ngoài mức độ hoàn thành chỉ tiêu môi trường, Thành phố từng bước tổ chức đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của chuyển đổi xanh đối với chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có đủ điều kiện đo lường. Khung chỉ số quản trị HQ01-HQ18 tại Phụ lục 4a không tạo thêm mục tiêu pháp lý đến năm 2030, được gọi mở để các ngành nghiên cứu, sử dụng đánh giá hiệu quả nguồn lực và tác động.

Giai đoạn 2027-2028, khung HQ01-HQ18 chỉ áp dụng thí điểm đối với 07 nhóm chương trình, dự án có đủ điều kiện dữ liệu gồm: xử lý nước thải; đốt rác phát điện; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong công nghiệp; chuyển đổi khu công nghiệp xanh; giao thông xanh; nông nghiệp giảm phát thải; thoát nước, chống ngập. Kết thúc năm 2028, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính, Thống kê thành phố Hà Nội và các cơ quan chuyên ngành đánh giá khả

năng đo lường, chi phí thu thập dữ liệu và hiệu quả sử dụng kết quả để đề xuất phạm vi áp dụng giai đoạn tiếp theo.

Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội là căn cứ để ưu tiên bố trí nguồn lực, nhân rộng mô hình, điều chỉnh giải pháp hoặc xem xét điều chỉnh nhiệm vụ chưa đem lại hiệu quả như dự kiến; phương pháp đánh giá phải nêu rõ đường cơ sở, tránh tính trùng, có tài liệu chứng minh.

Tổng số chỉ tiêu tại Phụ lục 1: 68 chỉ tiêu. Theo nguồn hình thành: 16 chỉ tiêu nhóm A; 12 chỉ tiêu nhóm B; 37 chỉ tiêu nhóm C theo bảng tổng hợp hiện tại; 3 chỉ tiêu nhóm D (chỉ tiêu Quốc gia) dùng tham chiếu/theo dõi.

TT	Nhóm chỉ tiêu	Tổng số	Chỉ tiêu tại KL75/CTr31/NQ208	Chỉ tiêu bổ sung/cụ thể hóa tại CTr Thành ủy	Chỉ tiêu đã được HĐND/UBND Hà Nội theo dõi	Chỉ tiêu Quốc gia tham chiếu/ theo dõi
1	Nguồn lực, tài chính và tăng trưởng xanh	2	2	0	0	0
2	Môi trường không khí, quan trắc và kiểm soát nguồn thải	3	2	0	0	1
3	Nước, nước thải, cấp nước và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước	8	1	3	4	0
4	Chất thải, nhựa, tái chế và kinh tế tuần hoàn	11	3	2	6	0
5	Công nghiệp, khu/cụm công nghiệp và chuyển đổi xanh doanh nghiệp	10	3	1	6	0
6	Năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính	13	1	4	7	1
7	Xây dựng, giao thông và không gian đô thị xanh	7	1	2	4	0
8	Nông nghiệp, lâm nghiệp, đất đai và đa dạng sinh học	5	1	0	3	1
9	Phòng chống thiên tai, chăm sóc sức khỏe Nhân dân	4	2	0	2	0
10	Hậu kiểm, kiểm tra, kiểm soát tuân thủ và xử lý vi phạm	5	0	0	5	0
	Tổng	68	16	12	37	3

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

Nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu tại Chương trình số 21-CTr/TU của Thành ủy thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 208/NQ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới, theo chức năng, nhiệm vụ, UBND Thành phố giao các sở, ban, ngành, UBND xã, phường cụ thể hóa và tổ chức triển khai quyết liệt, trọng tâm các nhiệm vụ.

Tổng số nhiệm vụ tại Phụ lục 3: 96 nhiệm vụ, được thống kê theo từng mã nhiệm vụ tại Phụ lục 3.

TT	Cơ quan/nhóm cơ quan chủ trì	Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ mới	Đã có/kế thừa/ tiếp tục/ thường xuyên
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	28	11	17
2	Sở Công Thương	15	4	11
3	Sở Xây dựng	10	2	8
4	Sở Tài chính	9	4	5
5	Sở Khoa học và Công nghệ	4	2	2
6	Sở Nội vụ	4	3	1
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	2	1
8	Sở Y tế	2	2	0
9	Bộ Tư lệnh Thủ đô	1	0	1
10	Quỹ đầu tư phát triển Thành phố	1	0	1
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	1	0
12	Sở Ngoại vụ	1	0	1
13	Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp Hà Nội	1	1	0
14	Thống kê thành phố Hà Nội	1	1	0
15	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	5	5	0
16	Viện Quy hoạch Xây dựng	1	1	0

TT	Cơ quan/nhóm cơ quan chủ trì	Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ mới	Đã có/kế thừa/ tiếp tục/ thường xuyên
17	Các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ (về rà soát, xây dựng, chính sách, tuyên truyền...)	6	1	5
18	UBND xã, phường	3	1	2
	Tổng số	96	41	55

Nhiệm vụ mới: chưa được giao cụ thể trong các chương trình, kế hoạch đang thực hiện hoặc là nội dung mới để đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của Kết luận 75-KL/TW, Chương trình 31-CTr/TW, Nghị quyết 208/NQ-CP và Chương trình 21-CTr/TU.

Nhiệm vụ đã có/kế thừa/tiếp tục/thường xuyên: là các nhiệm vụ đã được phê duyệt, phân công tại các Kế hoạch/chương trình/đề án khác, đang triển khai hoặc thuộc chức năng thường xuyên, nhưng có các nội dung cần bổ sung để đảm bảo yêu cầu, mục tiêu.

Đối với các nhiệm vụ khác không có nội dung điều chỉnh, bổ sung thì không nêu lại, tiếp tục tổ chức thực hiện theo các Văn bản đã phê duyệt.

Cụ thể:

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và Nhân dân

- Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đổi mới nội dung, phương thức truyền thông theo hướng thay đổi hành vi, xây dựng văn hóa môi trường, lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, văn hóa thực thi; thực hiện nghiêm phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, liên thông với các nội dung Thành phố đang triển khai thực hiện; tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành, phối hợp giải quyết vấn đề hiệu quả, không phụ thuộc địa giới hành chính; xác định nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu thuộc chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của chính quyền các cấp.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thành phố; gắn với Phong trào thi đua “Toàn dân chung tay bảo vệ môi trường, vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp”; gắn tuyên truyền với phong trào thi đua và kết quả có thể kiểm chứng; nghiên cứu áp dụng, nhân rộng các mô hình “Cơ quan, đơn vị xanh - sạch - đẹp”, “Trường học xanh - sạch - đẹp”, “Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xanh - sạch - đẹp”, “Nơi làm việc xanh - sạch - đẹp”, “Tổ dân phố xanh -

sạch - đẹp”; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, không xả rác, nước thải xuống nguồn tiếp nhận nước, bảo vệ thiên nhiên; tiêu chí thi đua phải gắn với thu gom, phân loại, xử lý chất thải, giảm phát sinh chất thải, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, bảo vệ thiên nhiên, ứng dụng công nghệ sạch, cảnh quan và sáng kiến môi trường; đưa kết quả thực hiện trong đánh giá thi đua hằng năm theo thẩm quyền.

- Tổ chức các đợt truyền thông, tuyên truyền, hưởng ứng các ngày, tuần lễ, sự kiện quốc gia và quốc tế về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai¹ và các sự kiện có liên quan; duy trì vệ sinh môi trường, cảnh quan sạch đẹp, trang trọng trong các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của Đất nước.

- Chủ động phối hợp với cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông và Nhân dân, tổ chức, cá nhân trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về môi trường, biến đổi khí hậu; công khai thông tin chất lượng môi trường và kết quả xử lý các vấn đề bức xúc.

1.2. Hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi; đổi mới phương thức quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát

- Hệ thống hóa các văn bản hiện có của Thành phố, đang quy định, điều chỉnh các nội dung có liên quan đến Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW và Nghị quyết số 208/NQ-CP, chương trình số 21-CTr/TU của Thành ủy để kịp thời tham mưu UBND Thành phố hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đáp ứng quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu Trung ương đã đề ra. Các cơ chế chính sách đồng thời được xem xét với việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch của Thành phố liên quan đến: thực hiện mục tiêu tăng trưởng “hai con số”; thực hiện các Nghị quyết trụ cột; thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới; quy hoạch Thủ đô tầm nhìn 100 năm.

- Tiếp tục lồng ghép thực hiện trong các Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Đề án, Dự án đang triển khai thực hiện có liên quan đến thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong chương trình số 21-CTr/TU của Thành ủy.

Chủ động rà soát, khai thác và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách trong phạm vi thẩm quyền về bảo vệ môi trường, hạ tầng kỹ thuật, huy động nguồn lực, đổi mới sáng tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

¹ Một số ngày, tuần lễ, sự kiện quốc gia và quốc tế hưởng ứng công tác bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai: Ngày Đất ngập nước thế giới (02/02), Ngày Quốc tế về Rừng (21/3), Ngày Nước thế giới (22/3), Ngày Khí tượng thế giới (23/3), Ngày Quốc tế Không chất thải (30/3), Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học (22/5), Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Thế giới chống sa mạc hóa và hạn hán (17/6), Ngày Quốc tế Không khí sạch vì bầu trời xanh (07/9), Ngày Quốc tế bảo vệ tầng ô-dôn (16/9), Ngày Làm sạch thế giới (20/9), Ngày Quốc tế giảm nhẹ rủi ro thiên tai (13/10), Ngày Đất thế giới (05/12) và các sự kiện có liên quan.

- Chủ động phối hợp với các Bộ, Ngành trong quá trình các cơ quan trung ương hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành và các nhiệm vụ do cấp trung ương chủ trì thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm **47 nhiệm vụ** cụ thể: *chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.*

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát trong quản lý môi trường.

- Về phương thức quản trị:

+ Phương thức thực hiện, quản trị bám sát quan điểm: chuyển mạnh từ “*ứng phó thụ động*” sang “*chủ động phòng ngừa*”; từ “*quản lý hành chính*” sang “*quản trị hiện đại*” dựa trên dữ liệu, theo rủi ro và theo sức chịu tải, theo hướng quản trị tổng hợp, liên ngành, liên vùng, liên địa phương; kết hợp tiên kiểm có trọng tâm với tăng cường hậu kiểm trên mức độ tuân thủ; tăng cường đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp để nhận diện rủi ro, phòng ngừa vi phạm và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

+ Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đơn vị có liên quan làm tốt công tác quản trị, tổ chức thực hiện: ngay từ bước xây dựng Kế hoạch (phù hợp với thực tế địa phương/ngành, rõ về mục tiêu - thẩm quyền giải quyết - chủ thể thực hiện - đơn vị phối hợp - đối tượng chịu tác động - phương thức - lộ trình thực hiện - sản phẩm/kết quả), phân bổ nguồn lực, đôn đốc kiểm tra, kiểm đếm đánh giá kết quả (khối lượng, chất lượng, hiệu quả đóng góp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ), bám sát quan điểm quản trị theo dữ liệu, theo rủi ro, sức chịu tải.

+ Các nhiệm vụ có tính chất phối hợp liên ngành, liên xã: cần rõ trách nhiệm, phương thức phối hợp và đặc biệt phải rõ đầu mối tại từng sở/ngành hoặc xã/phường để các tổ chức, doanh nghiệp thuận tiện liên hệ công tác.

Đối với các vấn đề mới, hoặc đa ngành, cơ quan chủ trì nghiên cứu báo cáo Thành phố để thành lập Tổ công tác kiêm nhiệm của Thành phố để bảo đảm công tác phối hợp được xuyên suốt, các vấn đề mới được nghiên cứu, tổ chức thực hiện đồng bộ, bài bản.

Đối với nhiệm vụ liên vùng, liên lưu vực, cơ quan chủ trì phối hợp các cơ quan Trung ương và Địa phương liên quan để nghiên cứu cơ chế chia sẻ dữ liệu, phối hợp kiểm soát tải lượng và phương án chia sẻ chi phí - lợi ích phù hợp quy định pháp luật.

Cụ thể hóa cơ chế phối hợp Vùng Thủ đô đối với ô nhiễm nguồn nước lưu vực sông Nhuệ - Đáy, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, ô nhiễm không khí: đầu mối, chuẩn dữ liệu, phương pháp đánh giá tải lượng, cơ chế cảnh báo/chia sẻ thông tin, danh mục công trình xử lý ô nhiễm có tính liên vùng; nghiên cứu huy động Quỹ phát triển vùng và các nguồn lực hợp pháp cho dự án môi trường liên vùng.

- Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về môi trường, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm môi trường;

1.3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Bảo đảm bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí, ưu tiên các vấn đề bức xúc, điểm nóng và hạ tầng môi trường thiết yếu.

- Tập trung đầu tư hạ tầng thoát nước, chống ngập, thu gom và xử lý nước thải; hạ tầng thu gom, trung chuyển, tái chế, xử lý chất thải; mạng lưới quan trắc, dữ liệu, dự báo, cảnh báo môi trường, khí hậu và thiên tai.

+ Đối với hạ tầng thoát nước và chống ngập, ưu tiên các giải pháp thoát nước bền vững theo hướng giữ - thấm - trữ - làm sạch - xả chậm và tái sử dụng nước mưa; thực hiện đồng bộ với lộ trình tách nước mưa và nước thải, thu gom, xử lý nước thải, vận hành hồ điều hòa, trạm bơm và duy tu mạng lưới.

+ Ưu tiên đầu tư công cho hạ tầng xanh có tính chiến lược, tạo tác động lan tỏa và trực tiếp xử lý các điểm nghẽn môi trường, gồm: cải tạo, phục hồi 04 sông nội đô; Nhà máy xử lý chất thải Xuân Sơn; hệ thống thu gom, xử lý nước thải Yên Xá, Kiến Hưng, Sơn Tây, Tây sông Nhuệ, Nam An Khánh, Phú Đô, Cổ Loa và các dự án hạ tầng môi trường cấp thiết khác theo kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mở rộng cơ sở thu và nguồn lực cho chuyển đổi xanh: nghiên cứu, khai thác các nguồn thu mới từ kinh tế xanh và các-bon theo quy định; gắn nguồn thu với cơ chế tài chính xanh, đầu tư cho bảo vệ môi trường, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Đa dạng hóa công cụ huy động nguồn lực cho chuyển đổi xanh; nghiên cứu, triển khai theo thẩm quyền các công cụ tài chính xanh, trái phiếu xanh đô thị, tín dụng xanh và cơ chế huy động vốn theo kết quả đầu ra; chuẩn bị điều kiện để kết nối, khai thác thị trường các-bon và nguồn thu từ tín chỉ các-bon theo quy định, ưu tiên tái đầu tư cho hạ tầng môi trường, giao thông xanh, năng lượng sạch và các dự án giảm phát thải.

- Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học công nghệ cho các dự án xử lý chất thải, nước thải, chuyển đổi xanh; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật đa mục tiêu gắn với Quy hoạch Thủ đô 100 năm, bảo vệ môi trường, chống ngập, thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và chủ động ứng phó với hiện tượng thời tiết cực đoan.

1.4. Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường sống

- Rà soát các Quyết định, Kế hoạch, Chương trình liên quan, tích hợp trong Chương trình tổng thể xử lý ô nhiễm môi trường không khí, nước thải, rác thải,

kịp thời thay thế các nội dung không còn phù hợp hoặc đã được tích hợp trong Chương trình tổng thể xử lý ô nhiễm môi trường (trong đó có Quyết định 1142/QĐ-UBND ngày 02/3/2024; Kế hoạch 267/KH-UBND ngày 30/9/2025; 372/KH-UBND ngày 26/12/2025; Quyết định 1804/QĐ-UBND ngày 9/4/2026) để bảo đảm đồng bộ về mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình, phân công thực hiện, kết quả, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời tối ưu hóa các báo cáo.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Chương trình tổng thể xử lý ô nhiễm môi trường không khí, nước thải, rác thải.

- Thực hiện các giải pháp về quy hoạch đầu tư hạ tầng đô thị, trong đó có mục tiêu hạ tầng để bảo đảm mục tiêu, chỉ tiêu tại Chương trình của Thành ủy về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW. Gắn đầu tư hạ tầng với mục tiêu đến năm 2030 cơ bản giải quyết tình trạng úng ngập tại khu vực nội đô; tăng cường không gian xanh, mặt nước, hành lang xanh và các giải pháp dựa vào tự nhiên trong quy hoạch, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; tăng tỷ lệ đầu nổi, tách riêng nước thải, nước mưa.

Tiếp tục đầu tư hạ tầng, thực hiện các giải pháp tại các Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề khắc phục ô nhiễm môi trường.

Vấn đề ô nhiễm môi trường làng nghề cần phải giải quyết đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm. Đồng bộ từ quy hoạch không gian, đề án phát triển làng nghề, phân vùng môi trường đến các biện pháp khắc phục ô nhiễm, cải tạo phục hồi môi trường, cảnh quan, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề việc làm đối với các làng nghề không còn phù hợp hoặc đã mai một, kết hợp giải quyết vấn đề về môi trường với bảo tồn. Toàn diện về môi trường không khí, môi trường đất, nước mặt, nước ngầm, nước thải, vệ sinh môi trường, cảnh quan... Tập trung: thu gom và xử lý nước thải làng nghề; đẩy mạnh phân loại rác tại nguồn gắn với thu gom, tái chế, để các làng nghề là các đơn vị thực hiện tốt trong công tác này; hạn chế rác thải nhựa, tùy tính chất các ngành nghề để từng bước thay thế vật dụng, bao bì nhựa bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Rà soát, tổng hợp các cơ sở sản xuất kinh doanh, điểm sản xuất tập trung trên địa bàn xã, phường; xóa các điểm SXKD tự phát không bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường; đối với các xã có làng nghề, đề xuất giải pháp xử lý đối với các điểm sản xuất kinh doanh xen lẫn trong khu dân cư không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Xử lý ô nhiễm môi trường khu tồn lưu hóa chất, thuốc BVTV, bãi chôn lấp không hợp vệ sinh và điểm nóng ô nhiễm môi trường do chất thải rắn thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Tiếp tục quản lý phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với thực tế và đặc điểm từng loại chất thải, phục vụ tái sử dụng, tái chế; giảm mạnh chôn lấp trực tiếp; đầu tư đồng bộ hạ tầng giải quyết vấn đề chất thải rắn trong đó ưu tiên giải quyết chất thải xây dựng, chất thải nguy hại; tăng cường thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải rắn.

Quản lý bãi tập kết và trung chuyển rác thải sinh hoạt phạm vi địa giới hành chính cấp xã, điểm tập kết, điểm chuyển tải, cơ sở tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt có phạm vi phục vụ nội xã, phường hoặc thuộc phạm vi quản lý cấp Thành phố, bảo đảm phù hợp phân cấp.

- Tăng cường quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với lưu vực các sông, ưu tiên các nguồn cung cấp nước sinh hoạt, các hồ nội đô. Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước tại các lưu vực sông, kênh, mương, hồ và đoạn sông ưu tiên; tập trung sông Nhuệ - Đáy, hệ thống Bắc Hưng Hải, sông Tô Lịch và các sông, hồ nội đô; Kiểm kê nguồn thải vào nguồn nước; dự báo tải lượng, sức chịu tải và thiết lập cơ sở dữ liệu nguồn thải (ưu tiên liên vùng: sông Nhuệ - Đáy, hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải và các lưu vực có nguồn thải liên tỉnh).

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giải pháp về giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động xây dựng, giao thông, vận tải (trong đó có vùng phát thải thấp).

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giải pháp về giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Đẩy nhanh đầu tư, hoàn thiện mạng lưới thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, nước thải cụm công nghiệp, làng nghề; tăng tỷ lệ đấu nối; nghiên cứu tái sử dụng nước sau xử lý phù hợp quy chuẩn và nhu cầu sử dụng.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với thực tế và đặc điểm từng loại chất thải, phục vụ tái sử dụng, tái chế; giảm mạnh chôn lấp trực tiếp; đầu tư đồng bộ hạ tầng giải quyết vấn đề chất thải rắn trong đó ưu tiên giải quyết chất thải xây dựng, chất thải nguy hại; tăng cường thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải rắn.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn theo thời gian thực; không để phát sinh khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới; xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm kéo dài; kết nối, giám sát dữ liệu quan trắc tự động liên tục; kiểm soát chất lượng, dữ liệu, cảnh báo sớm và sử dụng dữ liệu làm căn cứ kiểm tra, xử lý vi phạm.

1.5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên

- Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, nhạy cảm; tăng cường quản lý rừng, khu bảo tồn, hành lang sinh thái, đất ngập nước, sông hồ; bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen.

- Thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường.

Từng bước kiểm kê, lượng hóa và theo dõi biến động tài nguyên, hệ sinh thái, dịch vụ hệ sinh thái của Thủ đô; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ tích hợp giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học, hạ tầng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển và xem xét, quyết định đầu tư của Thành phố.

Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; hiện đại hóa quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản gắn với chuyển đổi số; bảo đảm an ninh tài nguyên gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường.

1.6. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai và nâng cao khả năng chống chịu

- Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu cho Thành phố theo kịch bản quốc gia, trên cơ sở đó cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Thành phố Hà Nội.

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp thành phố định kỳ 2 năm/lần, tiếp nối chuỗi dữ liệu Thành phố đã thực hiện đến năm 2024.

- Kiểm soát việc thực hiện của các cơ sở phải thực hiện Kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở (trong Danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành) trên địa bàn Thành phố Hà Nội.²

- Rà soát, cập nhật kế hoạch phòng chống thiên tai, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, chủ động ứng phó với hiện tượng thời tiết cực đoan, tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch phát triển và hệ thống chỉ đạo, điều hành của Thành phố.

- Cập nhật, xây dựng bản đồ rủi ro ngập úng, mưa cực đoan, nắng nóng, sạt lở và các nguy cơ thiên tai đặc thù; tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch phát triển và hệ thống chỉ đạo, điều hành của Thành phố.

- Rà soát, hoàn thiện và áp dụng đồng bộ hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ dẫn kỹ thuật thuộc thẩm quyền Thành phố đối với công trình xanh; vật liệu tái chế, vật liệu xanh, vật liệu thích ứng biến đổi khí hậu; chú trọng truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng, đánh giá vòng đời, thiết kế, thi công, nghiệm thu và vận hành.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán và các tác động khí hậu; triển khai các giải pháp công trình và phi công trình, dựa vào tự nhiên, tăng không gian xanh - mặt nước, nâng cao năng lực thoát nước và chống ngập.

² Tại Quyết định số 42/2026/QĐ-TTg ngày 10/8/2026 (thay thế Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg) có 114 cơ sở trên địa bàn Thành phố (số cơ sở theo lĩnh vực: công thương: 71; xây dựng: 33, giao thông: 6, Chất thải rắn: 4)

Khuyến khích áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước và giảm phát thải như SRI, AWD; phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn; tăng cường tái chế phụ phẩm, chất thải nông nghiệp, phát triển năng lượng tái tạo và chuẩn bị điều kiện để hình thành các dự án nông nghiệp có khả năng tạo tín chỉ các-bon theo quy định.

- Huy động, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện, vật tư thiết yếu, chuyên dùng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng tình huống thiên tai, từng địa bàn, nhất là các khu vực có nguy cơ cao; thường xuyên đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chuyên trách và các lực lượng tại chỗ của địa phương; tổ chức diễn tập theo các phương án phòng ngừa, ứng phó thiên tai, sự cố, thảm họa; kịp thời bổ sung, điều chỉnh phương án, phương tiện ứng phó, khắc phục kịp thời thiệt hại khi có thiên tai xảy ra, tăng cường các biện pháp bảo đảm tối đa an toàn dân cư tại khu vực nguy cơ rủi ro cao.

- Chủ động hướng dẫn Nhân dân các biện pháp tự chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, nắng nóng bất thường, khí hậu hanh khô, các ngày có chất lượng môi trường không khí không tốt, mưa ngập kéo dài, dịch bệnh phát sinh sau mưa bão, đặc biệt với các nhóm yếu thế, cộng đồng tại các nơi dễ tổn thương (người già, phụ nữ và trẻ em, người có bệnh nền, dân tộc thiểu số, hoặc các vùng trũng, nguy cơ cao khi mưa lũ kéo dài, khu vực ven sông, hồ...)

1.7. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và quản lý phát thải khí nhà kính

a) Chuyển đổi xanh công nghiệp để mở rộng thị trường, nâng sức cạnh tranh

- Gắn cơ cấu lại ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp công nghệ cao với lộ trình di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi nội thành.

Chuyển đổi xanh đối với doanh nghiệp công nghiệp để mở rộng thị trường, nâng sức cạnh tranh theo hướng gắn yêu cầu môi trường với khả năng tiếp cận thị trường và chuỗi cung ứng; kiểm kê phát thải; quản lý, giảm phát thải khí nhà kính; sử dụng năng lượng tái tạo và nâng hiệu suất năng lượng; phát triển công nghiệp vật liệu mới và công nghiệp tái chế, sử dụng vật liệu xanh, vật liệu phát thải thấp; từng bước áp dụng quản trị Môi trường - Xã hội - Quản trị doanh nghiệp (ESG) và các tiêu chuẩn môi trường, năng lượng phù hợp; gắn phát triển sản phẩm vật liệu mới với nghiên cứu - phát triển, kiểm định tiêu chuẩn và khả năng thương mại hóa.

Ưu tiên phát triển khu công nghiệp sinh thái, đô thị phát thải thấp; Chuyển đổi khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp theo mô hình xanh - sinh thái - tuần hoàn; rà soát các khu/cụm công nghiệp hiệu quả thấp, ô nhiễm hoặc không còn phù hợp để đề xuất chuyển đổi mô hình, công năng theo quy hoạch và pháp luật, hoặc di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi nội thành; hỗ trợ chuyển đổi nghề, sinh kế cho người lao động trong quá trình chuyển đổi xanh.

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước thuộc phạm vi Thành phố quản lý, phát huy vai trò tiên phong, dẫn dắt chuyển đổi xanh: 100% doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước áp dụng quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số; 100% doanh nghiệp này có kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính; phấn đấu tối thiểu 70% doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần/vốn chi phối có kế hoạch chuyển đổi năng lượng xanh.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, chuyển đổi công nghệ sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng; hỗ trợ đánh giá hiện trạng công nghệ, kiểm toán năng lượng, xây dựng phương án đầu tư, tiếp cận tín dụng xanh và áp dụng tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn xanh. Theo dõi bằng các chỉ tiêu: tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng thành công công nghệ sản xuất sạch hơn; tỷ lệ doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường, tiêu chuẩn xanh sau hỗ trợ; mức giảm năng lượng, nguyên liệu và phát thải trên đơn vị sản phẩm.

b) Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp vật liệu mới và công nghiệp tái chế

- Tái cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh; phát triển công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp tái chế, thiết bị tiết kiệm năng lượng; thúc đẩy sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện môi trường và giải pháp xây dựng xanh. Gắn phát triển sản phẩm vật liệu mới với nghiên cứu - phát triển, kiểm định tiêu chuẩn và khả năng thương mại hóa.

- Xây dựng chương trình phát triển vật liệu mới - tái chế vật liệu; xác định danh mục nhóm vật liệu ưu tiên, tiêu chí kỹ thuật và môi trường, sản lượng vật liệu xanh, tỷ lệ vật liệu được tái chế/tái sử dụng; khuyến khích hình thành chuỗi thu hồi - phân loại - tái chế - tái sử dụng vật liệu từ xây dựng, công nghiệp và các nguồn phù hợp.

c) Chuyển đổi khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp theo mô hình xanh - sinh thái - tuần hoàn

- Rà soát, xây dựng lộ trình chuyển đổi khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp theo mô hình xanh, thông minh, sinh thái và tuần hoàn; thí điểm chuyển đổi 2-3 khu công nghiệp xanh - thông minh đến năm 2030; xây dựng bộ chỉ số đánh giá phát thải trên đơn vị sản phẩm/giá trị sản xuất, hiệu suất năng lượng, tỷ lệ tái sử dụng nước, tỷ lệ tái chế chất thải, mức độ cộng sinh công nghiệp, tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số, tiêu chuẩn xanh.

- Đối với 2-3 khu công nghiệp thí điểm chuyển đổi, xây dựng hệ chỉ số đo lường hiệu suất tối thiểu như: giá trị tạo ra/ha; phát thải trên đơn vị sản phẩm hoặc giá trị sản xuất; năng suất lao động công nghiệp; tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số; tỷ lệ nội địa hóa và doanh nghiệp vệ tinh trong chuỗi; chi R&D/doanh thu; hiệu suất năng lượng, tỷ lệ tái sử dụng nước và tái chế chất thải.

- Rà soát các khu sản xuất công nghiệp, cơ sở sản xuất ô nhiễm trong khu vực nội đô không còn phù hợp quy hoạch; gắn di dời, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường đất với tái thiết không gian sau di dời, ưu tiên chuyển đổi thành khu sáng tạo văn hóa, trung tâm biểu diễn, không gian văn hóa cộng đồng, hạ tầng xanh hoặc chức năng công cộng phù hợp quy hoạch.

- Ưu tiên hạ tầng xử lý môi trường tập trung, hạ tầng số, logistics thông minh, sử dụng năng lượng hiệu quả và mô hình cộng sinh công nghiệp; thúc đẩy trao đổi phụ phẩm, năng lượng, nước và vật liệu giữa các doanh nghiệp; rà soát các khu/cụm công nghiệp hiệu quả thấp, ô nhiễm hoặc không còn phù hợp để đề xuất chuyển đổi mô hình, công năng theo quy hoạch và pháp luật.

d) Năng lượng tái tạo, điện mặt trời mái nhà và công trình hiệu quả năng lượng

- Thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng và giảm tiêu hao năng lượng trong cơ sở sản xuất, công trình và hạ tầng đô thị; thực hiện chương trình điện mặt trời mái nhà tại công trình phù hợp, bảo đảm an toàn. Đối với chỉ tiêu năng lượng tái tạo, giao cơ quan chuyên ngành rà soát, xác lập và cập nhật theo quy hoạch của ngành và định hướng đổi mới, mô hình phát triển gắn với xác lập mô hình tăng trưởng hai con số của Thủ đô Hà Nội, đồng thời duy trì mục tiêu giảm tiêu hao năng lượng sơ cấp trên mỗi đơn vị GRDP khoảng 1-1,5%/năm.

- Nghiên cứu xây dựng và triển khai chương trình điện mặt trời mái nhà tại công trình công, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp và các cơ sở đủ điều kiện, bảo đảm phù hợp quy hoạch, pháp luật về điện lực, an toàn và khả năng đấu nối; ưu tiên mô hình tự sản xuất, tự tiêu thụ và kết hợp giải pháp lưu trữ năng lượng khi phù hợp. Nội dung này là bước cụ thể hóa định hướng tăng sử dụng năng lượng tái tạo.

đ) Kinh tế tuần hoàn và 3R trong công nghiệp, xây dựng và tiêu dùng

- Tổ chức phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn thành cấu phần quan trọng của mô hình tăng trưởng Thủ đô; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình 3R (giảm thiểu - tái sử dụng - tái chế), hệ thống quản lý môi trường, quản lý năng lượng và các tiêu chuẩn phù hợp; nghiên cứu hình thành cơ chế phối hợp chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng trong thu gom, phân loại, tái chế chất thải và phát triển chuỗi giá trị tuần hoàn.

- Tổ chức các mô hình kinh tế xanh - kinh tế tuần hoàn gắn với 09 cực, 09 trung tâm và 09 trục động lực phát triển theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô; ưu tiên mô hình có khả năng giảm phát sinh chất thải, giảm phát thải khí nhà kính, tăng tỷ lệ tái sử dụng - tái chế, tạo việc làm xanh và hình thành thị trường sản phẩm, dịch vụ xanh.

- Thúc đẩy tuần hoàn vật liệu, nước và sản phẩm trong toàn chuỗi giá trị; phát triển ngành công nghiệp tái chế, xử lý chất thải, công nghiệp môi trường; khuyến khích khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái và cộng sinh công nghiệp.

- Phát triển đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh, vật liệu xanh, vật liệu phát thải thấp; thúc đẩy năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; lồng ghép yêu cầu giảm phát thải trong đầu tư công và mua sắm công.

e) Nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp

- Phát triển nông nghiệp - đô thị - sinh thái theo hướng nông nghiệp gắn dịch vụ hóa, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn; hình thành 02 khu nông nghiệp công nghệ cao theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND; đồng thời phát triển các vùng nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất tập trung, hợp tác xã và doanh nghiệp dẫn chuỗi gắn truy xuất nguồn gốc, logistics lạnh, chế biến sâu và du lịch nông nghiệp. Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; theo dõi số vùng được hình thành và tỷ lệ diện tích áp dụng quy trình sản xuất xanh, tuần hoàn. Phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái; mô hình tuần hoàn khép kín trồng trọt - chăn nuôi - thủy sản; tăng tái sử dụng phụ phẩm; tiết kiệm năng lượng, nước và tài nguyên; ứng dụng công nghệ tiên tiến để tái chế, tái sử dụng, xử lý phụ phẩm, chất thải nông nghiệp.

- Cụ thể hóa quan điểm phát triển nông nghiệp Thủ đô gắn chặt với đô thị, công nghiệp, dịch vụ, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; chuyển mạnh sang nông nghiệp sinh thái, đô thị, công nghệ cao, thông minh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp; sử dụng tiết kiệm đất, nước, năng lượng; tổ chức hệ thống thu gom, xử lý chất thải tại vùng sản xuất, chăn nuôi; gắn sản xuất - chế biến - bảo quản - logistics - thị trường và du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái. Theo dõi chỉ tiêu liên kết tăng trưởng: tốc độ tăng GRDP nông, lâm, thủy sản bình quân khoảng 3,9-4,0%/năm đến 2030 và từ 4,0%/năm trở lên đến 2045 theo Chương trình 14-CTr/TU (chỉ tiêu này dùng đánh giá đóng góp của chuyển đổi xanh nông nghiệp, không thay thế chỉ tiêu môi trường).

- Gắn nông nghiệp tuần hoàn với công nghệ số, công nghệ cao, chuỗi giá trị và dịch vụ hóa nông nghiệp; khuyến khích mô hình nông nghiệp đô thị, trang trại trải nghiệm, nông nghiệp giáo dục và các sản phẩm du lịch nông nghiệp phù hợp với sức chịu tải môi trường.

g) Du lịch xanh, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng

- Phát triển các mô hình du lịch cộng đồng - du lịch nông nghiệp - du lịch sinh thái xanh; hình thành chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp - làng nghề - dịch vụ du lịch; áp dụng nguyên tắc tuần hoàn “Không rác thải - Không phát thải - Tái sử dụng”; xây dựng các tuyến du lịch xanh kết nối di tích, làng nghề, vùng nông nghiệp ven đô và các điểm sinh thái.

- Đối với các khu vực có giá trị sinh thái cao, phát triển du lịch sinh thái theo phân vùng chức năng và sức chịu tải môi trường; vùng lõi ưu tiên bảo tồn nghiêm ngặt, vùng đệm tổ chức du lịch sinh thái có kiểm soát, gắn tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư với cam kết bảo tồn hệ sinh thái và quản lý tác động môi trường. Trong giai đoạn 2026-2030, nghiên cứu áp dụng phù hợp đối với khu vực Ba Vì và các không gian sinh thái theo quy hoạch.

- Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí cơ sở lưu trú du lịch xanh, điểm tham quan du lịch xanh và cơ sở dịch vụ du lịch xanh; theo dõi tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chí; lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng - nước, giảm chất thải nhựa, phân loại chất thải và bảo tồn hệ sinh thái trong phát triển du lịch.

h) Tài chính xanh, ESG và thị trường các-bon

- Phát triển, huy động các công cụ tài chính xanh, trái phiếu xanh và nguồn vốn ưu đãi để hỗ trợ chuyển đổi công nghệ sạch, hạ tầng môi trường, năng lượng tái tạo, giao thông xanh, công trình xanh và các dự án kinh tế tuần hoàn; nghiên cứu cơ chế đánh giá dự án theo hiệu quả môi trường, phát thải và kết quả đầu ra.

- Chuẩn bị hạ tầng dữ liệu, kiểm kê, tăng cường năng lực đo đạc, báo cáo, thẩm định, xây dựng danh mục cơ sở, dự án tiềm năng tạo tín chỉ các-bon, quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon là trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng và phát triển bền vững; nghiên cứu sản/giao dịch tín chỉ các-bon, chuẩn bị năng lực tham gia thị trường các-bon theo thẩm quyền của Thành phố, lộ trình và quy định của Trung ương.

- Chuyển đổi hệ thống sản xuất nông nghiệp, lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải, tuần hoàn và bền vững; tăng cường quản lý khí mê-tan, chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp.

i) Thí điểm đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của chuyển đổi xanh

- Giai đoạn 2027-2028 chỉ thí điểm trên 07 nhóm chương trình/dự án được xác định tại Mục II.3. Mỗi chương trình lựa chọn số ít chỉ số phù hợp, ưu tiên: chi phí đầu tư; năng lượng, nước, vật liệu tiết kiệm; chất thải giảm/tái chế; tCO₂e giảm; chi phí vận hành tiết kiệm; việc làm hoặc doanh thu tăng thêm khi có đủ dữ liệu.

- Không bắt buộc mọi chương trình báo cáo toàn bộ HQ01-HQ18. Chỉ sử dụng chỉ số có số liệu nền, công thức, nguồn dữ liệu và cơ quan cung cấp dữ liệu; không lượng hóa tác động lan tỏa bằng giả định.

- Kết quả thí điểm được tổng kết cuối năm 2028 để quyết định phạm vi tiếp tục áp dụng; số liệu không đủ điều kiện chỉ dùng mô tả, không dùng xếp loại.

k) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phát triển hệ sinh thái nghiên cứu - chuyển giao - ứng dụng công nghệ môi trường và khí hậu theo mô hình liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh

nghiệp - tổ chức tài chính; ưu tiên nhiệm vụ có dữ liệu đầu vào đủ chất lượng, địa chỉ ứng dụng, chỉ tiêu đầu ra và phương án duy trì sau nghiệm thu. Hệ thống dữ liệu môi trường, biến đổi khí hậu phải được quản trị theo yêu cầu: đầy đủ, phản ánh khách quan, minh bạch, số liệu hiện trường được cập nhật thường xuyên, liên tục và được kết nối chia sẻ các cấp, các ngành, có chuẩn dữ liệu để đối chiếu, danh mục dùng chung, chu kỳ cập nhật và cơ chế chia sẻ.

- Tích hợp các chỉ tiêu môi trường - đô thị và chỉ tiêu tăng trưởng xanh vào hệ thống theo dõi, đánh giá của Thành phố; quy định rõ đơn vị cung cấp dữ liệu, tần suất cập nhật và cơ chế cảnh báo đối với chỉ tiêu không đạt tiến độ, bảo đảm quản trị theo kết quả và nguyên tắc "6 rõ".

- Chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành theo hướng có mã định danh, cấu trúc dữ liệu, siêu dữ liệu, giao diện kết nối, cơ chế cập nhật, chia sẻ, phân quyền và bảo đảm an toàn thông tin; tăng cường liên thông dữ liệu môi trường với dữ liệu quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, thoát nước, giao thông, năng lượng và dữ liệu đô thị phục vụ quản trị theo vòng đời.

- Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám và các công nghệ số bảo đảm phục vụ công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát và công khai thông tin.

- Ưu tiên nhiệm vụ khoa học, công nghệ về xử lý ô nhiễm, tái chế, tái sử dụng, thu hồi các-bon, vật liệu xanh, năng lượng sạch, nông nghiệp phát thải thấp.

- Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp, nhất là cấp xã; nâng cao năng lực thực thi, kiểm tra, giám sát và ứng phó sự cố.

1) Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế

- Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, ngoại giao môi trường và khí hậu; tranh thủ nguồn lực tài chính, công nghệ, kỹ thuật và kinh nghiệm quốc tế cho các chương trình không khí sạch, nước thải, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, chống ngập, giao thông xanh, bảo tồn thiên nhiên và dữ liệu môi trường.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên để huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi, quỹ khí hậu và các nguồn hỗ trợ quốc tế; nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn, quy định và hàng rào kỹ thuật về môi trường, khí hậu trong hội nhập.

- Tăng cường hợp tác với các địa phương trong Vùng Thủ đô và các đô thị quốc tế trong quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường liên vùng, xuyên biên giới, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.2. Nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố giai đoạn 2026-2030

1. Tăng cường, thực hiện hiệu quả, thực chất, thiết thực công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động để tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thành phố, xác định

bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân.

2. Tiếp tục rà soát hoàn thiện thể chế, chính sách; chuyển trọng tâm từ ban hành cơ chế sang tổ chức thực hiện.

3. Tổ chức thực hiện đồng bộ Kế hoạch này với Kế hoạch của Thành phố triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TW, Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm và các chương trình, kế hoạch chuyên ngành có liên quan; rà soát để kế thừa, lồng ghép các nhiệm vụ đã có, ưu tiên xử lý các điểm nghẽn về ô nhiễm, ngập úng, hạ tầng môi trường, chuyển đổi xanh và chất lượng sống của Nhân dân.

4. Tập trung thực hiện Chương trình hành động về xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và các năm tiếp theo đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 09/4/2026, các quyết định điều chỉnh, bổ sung *(nếu có, để đáp ứng yêu cầu, chỉ đạo của các cấp trong thời kỳ mới)* và quyết định khác có liên quan đến công tác xử lý ô nhiễm môi trường. Trong đó lưu ý:

- Thực hiện quản lý chất lượng không khí theo kiểm kê phát thải, tổng tải lượng và không gian phát thải; vận hành hệ thống dự báo-cảnh báo, kịch bản ứng phó và nghiên cứu áp dụng công cụ quản lý tổng tải lượng phát thải phù hợp sức chịu tải môi trường tại các khu vực có áp lực môi trường cao, theo quy định pháp luật.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong đó tích hợp dữ liệu môi trường không khí, nước, chất thải, nguồn thải; phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và cảnh báo của Thành phố.

5. Tập trung công tác quy hoạch, đầu tư hạ tầng đô thị, chống ngập úng, tiêu-thoát nước, giao thông công cộng, giao thông phát thải thấp, chuyển đổi năng lượng; phòng chống thiên tai.

6. Chuyển mạnh từ mô hình “thu gom - xử lý” sang “giảm phát sinh - phân loại - tái sử dụng - tái chế - thu hồi năng lượng - xử lý phần còn lại”; ưu tiên tuần hoàn nước, chất thải hữu cơ, chất thải xây dựng và vật liệu.

7. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường các làng nghề, các điểm tập trung đông dân cư, nơi có các điểm, hoạt động sản xuất, kinh doanh xen lẫn khu dân cư.

8. Chuyển quản lý môi trường từ nặng về thủ tục sang quản trị rủi ro và mức độ tuân thủ; cơ sở tuân thủ tốt được giảm tần suất kiểm tra theo quy định, nguồn rủi ro cao được giám sát chặt chẽ, kết nối dữ liệu và hậu kiểm có trọng tâm.

9. Tiếp tục thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Tăng cường quản lý phát thải khí nhà kính cấp Thành phố đối với các lĩnh vực chủ yếu; xây dựng Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính đến năm 2030; Nghiên cứu, đề xuất danh mục/tiêu chí dự án có tiềm năng tạo tín chỉ các-bon, huy động tài chính xanh theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ từng bước chuẩn bị cho việc tham gia thị trường các-bon trên địa bàn thành phố Hà Nội.

10. Thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế liên vùng đã được 6 tỉnh ký kết tại Quy chế số 01-QC-PH ngày 4/6/2026.

11. Thực hiện các nhiệm vụ để bảo đảm an ninh nguồn nước.

12. Thực hiện các nhiệm vụ tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và nhóm yếu thế, người dân khu vực có nguy cơ rủi ro, nguy cơ bị tổn thương do thiên tai, thời tiết cực đoan.

Các nhiệm vụ cụ thể và nhiệm vụ trọng tâm được chi tiết tại Phụ lục 3. Phụ lục xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan cung cấp dữ liệu bắt buộc, cơ quan phối hợp thực hiện, đơn vị tham gia/được mời, thời hạn, sản phẩm, chỉ tiêu kiểm đếm và mã chỉ tiêu liên kết.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp (bao gồm: nguồn đầu tư công, chi thường xuyên) và các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn xây dựng dự toán của Trung ương và Thành phố, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, chủ động xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo theo đúng các cơ chế, chính sách hiện hành của Nhà nước, xác định rõ nội dung, khối lượng, nguồn vốn, thứ tự ưu tiên và chịu trách nhiệm về tính chính xác, sự cần thiết, hiệu quả của nhiệm vụ, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thành phố theo quy định; chủ động lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp.

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định; bảo đảm yêu cầu chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm theo chỉ đạo của Trung ương; đồng thời cân đối hỗ trợ UBND các xã, phường có nguồn thu không đủ tự cân đối, đồng thời cân đối Danh mục lộ trình các Dự án đầu tư công (trung hạn, dài hạn) phục vụ các mục tiêu của Chương trình công tác của Thành ủy, Kế hoạch của UBND Thành phố về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW.

UBND cấp xã chỉ đạo bố trí nguồn lực; bảo đảm yêu cầu chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm theo chỉ đạo của Trung ương.

V. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc phân định trách nhiệm

- Cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể chịu trách nhiệm cuối cùng về tiến độ, chất lượng, sản phẩm và kết quả thực hiện; chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu và phương án xử lý, báo cáo kết quả thực hiện. Không chuyển trách nhiệm từ cơ quan được giao chủ trì sang cơ quan khác.

Riêng đối với các nhiệm vụ về tổng hợp báo cáo, thống kê: cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, thống kê là đầu mối tổng hợp đối với các vấn đề thuộc phạm vi Kế hoạch, không đồng nghĩa với việc làm thay nhiệm vụ các sở, ban, ngành, đơn vị đã được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể.

Đối với các nhiệm vụ có tính chất kết nối, nền tảng dùng chung hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định, công nghệ...: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến, hướng dẫn về mô hình dự báo, thuật toán và ứng dụng AI, về kiến trúc dữ liệu dùng chung (mô hình Data Lakehouse - Bronze/Silver/Gold), chuẩn kết nối, liên thông qua trục chia sẻ dữ liệu của Thành phố (LGSP/NGSP), bảo đảm đồng bộ với hạ tầng dữ liệu đô thị đang triển khai, theo nguyên tắc “một dữ liệu - nhiều mục đích sử dụng”; việc tham gia ý kiến, phối hợp không đồng nghĩa với làm thay việc cơ quan chủ trì.

- Cơ quan phối hợp/cơ quan cung cấp dữ liệu, tài liệu có trách nhiệm phối hợp/cung cấp dữ liệu, tài liệu... đảm bảo nội dung, thời hạn và yêu cầu của cơ quan chủ trì và trong phạm vi chức năng, thẩm quyền đơn vị; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu, số liệu, tài liệu đã cung cấp.

- Đơn vị tham gia/được mời thực hiện để nghiên cứu, phản biện, tư vấn, hỗ trợ hoặc giám sát khi cần; không thay trách nhiệm hành chính của cơ quan chủ trì. Việc huy động trường đại học, viện nghiên cứu, hiệp hội, tổ chức, cá nhân, chuyên gia thực hiện qua cơ chế phối hợp, đặt hàng, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hợp đồng hoặc hình thức phù hợp.

- Chính quyền địa phương là đơn vị gần dân, sát dân phải chủ động triển khai, tổ chức thực thi hiệu quả. Các đơn vị được giao thực hiện phải đề cao trách nhiệm thực thi, kỷ cương hành chính và tinh thần chủ động nghiên cứu, tổ chức triển khai và tự tối ưu hóa các nguồn lực và phương pháp, biện pháp, dự báo để tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật; không yêu cầu trả lời, hướng dẫn, tập huấn các nội dung đã có quy định; không chờ hướng dẫn, đôn đốc mới thực hiện, báo cáo; không chờ phản ánh, kiến nghị mới kiểm tra, thực thi; không chờ xảy ra mới khắc phục.

- Không yêu cầu bắt buộc thực hiện (chỉ tổ chức tuyên truyền, khuyến khích, động viên... thực hiện, tham gia) đối với các nội dung Nhà nước chưa thể chế bằng văn bản cơ quan có thẩm quyền quy định yêu cầu, trách nhiệm bắt buộc. Quy định này nhằm hạn chế phát sinh các chi phí tuân thủ của xã hội.

- Dữ liệu gốc do cơ quan chuyên ngành xây dựng, quản lý. Dữ liệu gốc được quản lý tuân thủ theo quy định của Thành phố, thực hiện di trú dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung, đảm bảo an toàn dữ liệu.

2. Nguyên tắc “06 rõ” xuyên suốt quá trình thực hiện

Bảo đảm toàn bộ quá trình triển khai tuân thủ nguyên tắc:

(1) Rõ việc - mỗi nhiệm vụ có phạm vi được xác định cụ thể, không chồng chéo với nhiệm vụ khác.

(2) Rõ người - mỗi nhiệm vụ có một đầu mối chịu trách nhiệm chính, được nêu đích danh trong kế hoạch triển khai, không trùng chéo với đơn vị khác, ngành khác, lĩnh vực khác.

(3) Rõ trách nhiệm - xác định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan chủ trì về kết quả cuối cùng, không chỉ về quy trình.

(4) Rõ thẩm quyền - phân cấp, ủy quyền đủ điều kiện để đơn vị chủ trì thực thi được ngay.

(5) Rõ tiến độ - mỗi chỉ tiêu có mốc hoàn thành theo năm trong giai đoạn 2026-2030; mỗi nhiệm vụ có mốc hoàn thành cụ thể theo tháng hoặc quý; (6) Rõ kết quả - xác định trước sản phẩm đầu ra đo lường được, không dừng ở mức "hoàn thành báo cáo" hay "trình cấp có thẩm quyền".

3. Nguyên tắc lấy hiệu quả là tiêu chí hàng đầu, hiệu lực thực thi là nền tảng

- Tiêu chí hiệu quả là tiêu chí hàng đầu, hiệu lực thực thi là nền tảng.

+ Việc tổ chức thực hiện không làm phát sinh thủ tục, đầu mối hoặc nhiệm vụ trùng lặp; giảm thiểu các công việc trung gian.

+ Ưu tiên bố trí nguồn lực cho nhiệm vụ cấp bách, có tác động trực tiếp đến sức khỏe, an toàn và chất lượng sống của người dân.

+ Bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố, không phải là công việc chuyên biệt của riêng ngành, riêng lĩnh vực, riêng địa phương, cần sự phối hợp chặt chẽ của tất cả ngành, các cấp. Do vậy, nâng cao trách nhiệm thực thi có giá trị quan trọng đối với kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu.

+ Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh số hóa toàn trình, kết nối, chia sẻ dữ liệu; sử dụng dữ liệu làm căn cứ chỉ đạo, điều hành, cảnh báo, kiểm tra và xử lý vi phạm.

VI. PHÂN CÔNG

1. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các phường, xã

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các nội dung của Kế hoạch và Phụ lục kèm theo, sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các phường, xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, phân công cụ thể, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực, tổ chức/cá nhân chủ trì, phối hợp, tiến độ, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế phối hợp thực hiện, bảo đảm tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm.

- Chủ động rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách của Thành phố về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, quản lý chất thải, tái sử dụng nước, công trình xanh, vật liệu phát thải thấp, mua sắm xanh và các công cụ kinh tế môi trường.

- Đẩy mạnh việc lồng ghép các định hướng về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới trong chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành. Đề xuất, kiến nghị với Bộ, ngành Trung ương các nội dung theo thẩm quyền của Trung ương bảo đảm việc thực hiện thống nhất, toàn diện về đối tượng, phạm vi, nội dung và các hoạt động có liên quan.

- Các Sở, theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của Nhà nước, rà soát phân công, phân cấp theo lĩnh vực được giao báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo các quy định của Nhà nước, trong đó gắn phân cấp với kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và trách nhiệm giải trình.

- Chủ động chuẩn bị các dữ liệu chuyên ngành, tương ứng với phương pháp đánh giá, quản lý dữ liệu, đáp ứng yêu cầu chuyển mạnh sang quản trị dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro; hoàn thiện tiêu chí phân loại cơ sở, khu vực theo rủi ro môi trường; kết hợp kiểm soát từng nguồn thải với quản lý tổng tải lượng, sức chịu tải và điều phối liên vùng, liên ngành.

- Tập trung thực hiện, hoàn thành đúng tiến độ, phấn đấu hoàn thành trước tiến độ bảo đảm yêu cầu, chất lượng đối với các nhiệm vụ/đề án/dự án Thành phố giao, được Thành phố xét tiêu chí/diện ưu tiên đầu tư/thực hiện.

- Trong lĩnh vực, phạm vi quản lý: từng bước xây dựng dữ liệu phát thải theo các nguồn phát thải lớn, chính, chủ yếu; rà soát các cơ sở thuộc diện kiểm kê khí nhà kính bắt buộc; các cơ sở thuộc diện phân bổ hạn ngạch, việc xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các cơ sở; phương pháp lượng hóa giảm phát thải; nghiên cứu, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng đường cơ sở phát thải và danh mục giải pháp; nghiên cứu đề xuất danh mục dự án giảm phát thải, danh mục dự án tiềm năng tạo tín chỉ; nghiên cứu sản/giao dịch tín chỉ các-bon, chuẩn bị năng lực tham gia thị trường các-bon theo thẩm quyền của Thành phố, lộ trình và quy định của Trung ương.

- Tăng cường hướng dẫn, đối thoại, hỗ trợ tuân thủ đối với doanh nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; phối hợp điều tra, xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về môi trường.

- Các sở, ban, ngành: rà soát, hệ thống hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các Kế hoạch, Chương trình, Đề án, Dự án đang triển khai để kế thừa, lồng ghép hoặc tích hợp xây dựng (hoặc thay thế) Kế hoạch/Chương trình tổng thể của từng ngành/lĩnh vực, trong đó bám sát theo chỉ đạo tại Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình hành động số 31-CTr/TW, Nghị quyết số 208/NQ-CP, chương trình 21-CTr/TU về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới.

- Phối hợp kịp với các cơ quan Bộ, ngành trong quá trình các cơ quan này chủ trì thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; xây dựng bộ chỉ số theo dõi, cơ sở dữ liệu tiến độ và báo cáo UBND Thành phố định kỳ, đột xuất.

- Chủ trì đối với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về chất lượng môi trường, nguồn thải, chất thải, tài nguyên nước, đa dạng sinh học, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, kiểm kê khí nhà kính, thị trường các-bon, nông nghiệp phát thải thấp và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

3. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định; bảo đảm yêu cầu chi sự nghiệp bảo vệ môi trường tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm theo chỉ đạo của Trung ương.

- Chủ trì đối với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị nội dung có liên quan (thuộc chức năng nhiệm vụ quản lý của Sở Tài chính) nhằm bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo

- Đầu mối của thành phố Hà Nội để phối hợp với Bộ Tài chính, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, khi có yêu cầu của các đơn vị này liên quan đến thị trường các-bon và theo quy định của nhà nước (*trừ nội dung về hạ tầng số, công nghệ thông tin của Sở Khoa học và công nghệ*).

4. Sở Xây dựng

Chủ trì đối với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc chức năng nhiệm vụ quản lý của Sở Xây dựng, các nhiệm vụ về quy hoạch, nhiệm vụ về thoát nước, chống ngập, đầu tư hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải đô thị, đầu tư xây dựng nhà máy xử lý ô nhiễm sông nội đô, ô nhiễm sông liên tỉnh; đô thị xanh, công trình xanh, vật liệu xây dựng xanh, giao thông xanh và hạ tầng kỹ thuật có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

5. Sở Công Thương

Chủ trì các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc chức năng nhiệm vụ quản lý của Sở Công Thương, các nhiệm vụ về cụm công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái, công nghiệp môi trường, năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực nhằm bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

6. Sở Y tế

- Chủ động hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho các khu vực, cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai hoặc các thay đổi đáp ứng công tác BVMT, ứng phó BĐKH.

- Khuyến cáo Danh mục các chất có trong khí nhà kính và cơ chế, nguồn phát tán ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến sức khỏe cộng đồng dân cư; nhóm (dân cư/ngành nghề/loại hình công việc/đối tượng...) có nguy cơ chịu tác động cao; biện pháp/hành động phòng, tránh, giảm thiểu tác hại tới sức khỏe nhân dân.

- Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Giáo dục thế hệ trẻ, học sinh các cấp về ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, chủ động bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của bản thân, gia đình, cộng đồng trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai và các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

8. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan báo chí của Thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; kịp thời phổ biến các mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương điển hình tiên tiến; tạo khí thế thi đua, đồng thuận xã hội và quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thủ đô tích cực tham gia bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc thẩm quyền; hỗ trợ mô hình dự báo, thuật toán, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, kiến trúc dữ liệu, chuẩn kết nối và liên thông dữ liệu phục vụ Kế hoạch. Việc phối hợp không làm thay chức năng chuyên ngành của cơ quan chủ trì về quan trắc, điều tra, thống kê, quản lý nguồn dữ liệu gốc, kiểm định chuyên ngành hoặc quản lý công trình.

- Hướng dẫn nguyên tắc cấu trúc, chuẩn kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung; phối hợp bảo đảm dữ liệu chuyên ngành có thể kết nối qua nền tảng chia sẻ dữ liệu của Thành phố theo nguyên tắc “một dữ liệu - nhiều mục đích sử dụng”, không đầu tư trùng lặp hệ thống thu thập dữ liệu mà sở chuyên ngành đã quản lý.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nội dung về hạ tầng số, công nghệ thông tin để bảo đảm sẵn sàng kết nối trong phạm vi, thẩm quyền của thành phố Hà Nội đối với việc tham gia thị trường các-bon theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

10. Sở Nội vụ

- Xây dựng tiêu chí thi đua về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; Kịp thời biểu dương mô hình hay, cách làm tốt, địa phương, sở, ban, ngành có nhiều nỗ lực, giải pháp; các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp thực hiện Chương trình của Thành ủy, Kế hoạch của Thành phố thực hiện Kết luận số 75-KL/TW.

- Chủ động định hướng chuyển đổi nghề nghiệp/việc làm cho các khu vực, cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương trước các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai hoặc các thay đổi đáp ứng công tác bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

11. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Ngoại vụ. Tăng cường các nội dung về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với Biến đổi khí hậu trong các hoạt động ngoại giao, chương trình hợp tác quốc tế, hoạt động phối hợp với các quốc gia khác, lãnh thổ khác trong vùng, khu vực và thế giới, các tổ chức quốc tế và cá nhân có liên quan. Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

12. Công an Thành phố

Phối hợp kiểm soát, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường; tham gia kết nối, khai thác dữ liệu theo quy định; bảo đảm an ninh, an toàn trong ứng phó sự cố môi trường, thiên tai. Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

13. Bộ Tư lệnh Thủ đô

Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Thủ đô và vai trò cơ quan cơ quan thường trực của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự thành phố Hà Nội. Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

14. Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Chủ trì các các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong phạm vi quản lý của Ban quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp, nhằm bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

15. Cơ quan Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội

Chủ động đưa tin, bài, phóng sự, tuyên truyền các hoạt động, kết quả thực hiện Chương trình của Thành ủy, Kế hoạch của Thành phố thực hiện Kết luận số 75-KL/TW. Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

16. Viện Quy hoạch Xây dựng; Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

Chủ động nghiên cứu, đề xuất, thực hiện các nhiệm vụ được giao hoặc đề nghị phối hợp để đóng góp các nguồn lực, kết quả nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

17. Thống kê thành phố Hà Nội

- Thống kê thành phố Hà Nội chủ trì, hướng dẫn/phối hợp với các sở, ban, ngành về phương pháp thống kê, phương thức thu thập, tổng hợp và kiểm tra tính nhất quán của số liệu đối với các chỉ tiêu được UBND Thành phố giao; hướng dẫn cơ quan chủ trì xác định phạm vi thống kê, đơn vị tính, tử số, mẫu số, nguồn dữ liệu, phương pháp tổng hợp, xử lý thiếu dữ liệu và tránh tính trùng.

- Đối với các chỉ tiêu mới, chỉ tiêu tổng hợp liên ngành hoặc chưa có phương pháp thống kê thống nhất, để đáp ứng yêu cầu, chỉ đạo và định hướng của Thành phố, căn cứ Kế hoạch này Thống kê thành phố Hà Nội chủ động nghiên cứu, đề xuất, xác lập phương pháp, danh mục, nguồn số liệu, cách thức, kỳ thống kê... để định lượng mức độ thực hiện, mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cần báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ... và tham mưu, báo cáo UBND Thành phố.

- Các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm xác định nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật, danh mục đối tượng, cung cấp dữ liệu gốc và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Trường hợp dữ liệu hành chính và chế độ báo cáo hiện có chưa đáp ứng yêu cầu xác định chỉ tiêu, Thống kê thành phố Hà Nội phối hợp với cơ quan chủ trì đề xuất phương thức thu thập thông tin phù hợp; trường hợp cần tổ chức điều tra thống kê riêng phục vụ yêu cầu quản lý của Thành phố thì thực hiện theo Luật Thống kê và quy định về thẩm định, ban hành phương án điều tra thống kê.

- Các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

18. UBND các xã, phường

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại địa bàn về phân loại chất thải, kiểm soát đốt ngoài trời, nguồn thải nhỏ, điểm ô nhiễm, bảo vệ ao hồ, cây xanh, ứng phó thiên tai, phản ánh hiện trường và cập nhật dữ liệu; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành các quy định bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai, thời tiết cực đoan; chủ động xử lý hoặc báo cáo kịp thời vấn đề vượt thẩm quyền.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội, phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; tham gia giám sát, phản biện xã hội; phát động các phong trào bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và lối sống xanh trong cộng đồng và phối hợp theo đề nghị trong quá trình các sở, ban, ngành, UBND phường, xã và các đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao.

20. Các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn thành phố

Khuyến khích, đề nghị các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn thành phố (*Viện nghiên cứu, các Học viện, các Trường Đại học, các chuyên gia, cá nhân... trong và ngoài nước*) tham gia tích cực, đóng góp sáng kiến, nguồn lực, cách làm hay, các phương thức phối hợp, hợp tác thiết thực với các cơ quan, đơn vị được UBND Thành phố giao nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch, nhằm góp phần xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, đồng thời thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch này.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc tổ chức thực hiện bám sát Chương trình số 21-CTr/TU ngày 09/10/2026, Kế hoạch này của UBND Thành phố và các phụ lục kèm theo, gồm:

Phụ lục 1: Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

Phụ lục 2: Danh mục nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án do các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì thực hiện. Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường phối hợp thực hiện.

Phụ lục 3: Danh mục nhiệm vụ, chương trình, đề án giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phụ lục 4: Biểu Logic mục tiêu, chỉ tiêu và đo lường hiệu quả; Biểu đánh giá tác động tương hỗ giữa các ngành/lĩnh vực; bộ chỉ số định hướng quản trị hiệu quả kinh tế - xã hội của chuyển đổi xanh.

Phụ lục 5: Danh mục một số chương trình, nhiệm vụ, dự án lớn, trọng điểm khắc phục các điểm nghẽn về ô nhiễm môi trường và ngập úng đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Phụ lục 6: Hệ thống báo cáo, kiểm đếm, cảnh báo và đánh giá kết quả.

Một số nội dung cụ thể như sau:

1. Điều phối, tổng hợp

Vấn đề liên ngành, liên vùng, điểm nóng hoặc nhiệm vụ chậm tiến độ được xử lý theo cơ chế đầu mối; khi cần, UBND Thành phố thành lập Tổ công tác kiêm nhiệm, xác định rõ người chủ trì, thời hạn và sản phẩm kết thúc.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối tổng hợp đối với các vấn đề thuộc phạm vi Kế hoạch, không đồng nghĩa với việc làm thay nhiệm vụ các sở, ban, ngành, đơn vị đã được phân công chủ trì thực hiện; cơ quan chủ trì nhiệm vụ chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu và phương án xử lý, báo cáo kết quả thực hiện.

2. Chế độ báo cáo:

Thực hiện chế độ: báo cáo điều hành quý và báo cáo tổng hợp năm. Trong đó:

- Báo cáo quý chỉ cập nhật đối với các chỉ tiêu ghi “Quý, năm” tại Phụ lục 1 và tiến độ nhiệm vụ/công trình/dự án hạ tầng trọng điểm.

Cơ quan chủ trì gửi trước ngày 10 của tháng đầu quý kế tiếp; Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trước ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo.

- Báo cáo tổng hợp năm: cập nhật toàn bộ chỉ tiêu và nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, số liệu chốt ngày 31/12; cơ quan chủ trì gửi trước ngày 15/01 của năm sau gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trong tháng tiếp theo.

Đối với chỉ tiêu nêu chung cho giai đoạn 2026-2030, cơ quan chủ trì phải xác định yêu cầu cụ thể theo từng năm trong giai đoạn 2026-2030, hoàn thành trong quý I năm 2027 và cập nhật khi có văn bản điều chỉnh; trường hợp chưa có mốc, áp dụng nguyên tắc tại Mục II.3. Thực hiện báo cáo chỉ tiêu năm tương ứng với kết quả/sản phẩm giai đoạn.

- Báo cáo đột xuất chỉ thực hiện khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chỉ đạo của UBND Thành phố hoặc khi phát sinh vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, tiến độ hoặc an toàn.

- Báo cáo phải thể hiện số liệu định lượng thực tế, mức hoàn thành so với mục tiêu, nguyên nhân chậm, trách nhiệm và giải pháp khắc phục. Tình trạng nhiệm vụ được phân loại: Hoàn thành; Đúng tiến độ; Có nguy cơ chậm; Chậm tiến độ; Tạm dừng/chờ quyết định. Mỗi trạng thái phải kèm tài liệu chứng minh và người chịu trách nhiệm cập nhật.

3. Xử lý kiến nghị, vướng mắc

Cơ quan chủ trì phải phân loại vướng mắc theo 04 nhóm: thể chế/thẩm quyền; nguồn lực/tài chính; dữ liệu/kỹ thuật; phối hợp/tổ chức thực hiện. Vướng mắc thuộc thẩm quyền cơ quan chủ trì phải xử lý ngay; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND Thành phố kèm tối thiểu 02 phương án và kiến nghị rõ phương án lựa chọn, thuyết minh căn cứ, luận điểm để lựa chọn phương án, cơ quan chủ trì thực hiện, kết quả (nếu có thể dự kiến) của phương án đề xuất lựa chọn. Vướng mắc ảnh hưởng mục tiêu năm hoặc nhiệm vụ, vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ chung tiến độ phải báo cáo ngay, không chờ kỳ báo cáo quý/năm.

4. Chuyển tiếp

- Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 9/11/2025 của UBND Thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố (*thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*).

- Đối với các nhiệm vụ đã được thực hiện theo Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 9/11/2025 của UBND Thành phố, được tiếp tục thực hiện đến khi hoàn

thành. Trường hợp cơ quan chủ trì xem xét, thấy các nhiệm vụ đó cần điều chỉnh, bổ sung thì chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

- Kế hoạch triển khai theo định hướng mở, căn cứ tình hình thực tế sẽ tiếp tục cập nhật các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai đảm bảo mục tiêu của Thành phố và đáp ứng yêu cầu, chỉ đạo của Trung ương

- Trường hợp các Chương trình, Kế hoạch, văn bản đã viện dẫn có sự thay đổi và điều chỉnh, nếu thuộc thẩm quyền của Thành phố thì thực hiện theo các Văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp ngược lại thì các đơn vị được giao chủ trì thông tin bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

- Quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, các đơn vị chủ động tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố chấp thuận để kịp thời tổ chức thực hiện ngay, bảo đảm yêu cầu, chỉ đạo các cấp, sau đó gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo định kỳ.

Kế hoạch này là căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- UB MTTQ VN TP;
- Các ban Đảng, Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH – HĐND TP;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể TP;
- Đảng ủy và HĐND, UBND các xã, phường;
- Cơ quan Báo và PTTH Hà Nội;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, NNMT. *th*

(để
báo
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Cường

th